

Tố cáo và giải quyết tố cáo trong luật tố tụng hình sự: Những vấn đề lý luận-thực tiễn và hoàn thiện pháp luật

Lê Cẩm*

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Nhận ngày 1 tháng 7 năm 2007

Tóm tắt. Bài báo đề cập đến việc nghiên cứu những vấn đề lý luận về tố cáo và giải quyết tố cáo (GQTC) trong luật tố tụng hình sự, qua đó phân tích thực trạng tố cáo và GQTC cũng như những kẽ hở của pháp luật trong lĩnh vực này, đồng thời trên cơ sở đó đưa ra mô hình lý luận của các kiến giải lập pháp nhằm hoàn thiện các quy phạm pháp luật tương ứng.

1. Đặt vấn đề

1.1. Trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền (NNPQ) và cải cách tư pháp (CCTP) hiện nay ở Việt Nam, việc nghiên cứu những vấn đề lý luận - thực tiễn về tố cáo và giải quyết tố cáo (GQTC) để góp phần hoàn thiện các quy phạm pháp luật (QPPL) hiện hành có liên quan (từ Luật “Về khiếu nại, tố cáo” năm 2005 đến Chương XXXV “Khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự” (TTHS) của Bộ Luật TTHS năm 2003) có ý nghĩa rất quan trọng trên các bình diện lập pháp, thực tiễn và lý luận sau đây:

1) Một là, trên bình diện *thực tiễn*, việc phân tích thực trạng tố cáo và GQTC thời gian tại một số cơ quan của bộ máy công quyền Nhà nước và đơn vị sự nghiệp có thu ở các lĩnh vực, Bộ, ngành, cũng như thực tiễn áp dụng các QPPL nói chung và các quy phạm của Bộ Luật TTHS năm 2003 nói riêng về tố cáo và GQTC ở nước ta cho thấy, vì các động cơ, mục đích cá nhân - vụ lợi và không trong sáng

khác nhau nên có nhiều người đã lợi dụng những kẽ hở của pháp luật để tố cáo sai sự thật, xúc phạm uy tín, danh dự và nhân phẩm của công dân thậm chí nếu căn cứ theo pháp luật hình sự (PLHS) thì đã đến mức cấu thành tội phạm (CTTP) vu khống hoặc cá nhân có thẩm quyền GQTC cố tình bao che mà không xử lý những người tố cáo sai sự thật đó.

2) Hai là, trên bình diện *lập pháp*, mặc dù quyền của mỗi công dân “được pháp luật bảo vệ về danh dự và nhân phẩm” là quyền hiến định được nhà làm luật Việt Nam ghi nhận trong Hiến pháp năm 1992 (đoạn 1 Điều 71), đồng thời nhà làm luật cũng đã cụ thể hóa việc bảo vệ quyền đó bằng PLHS, kẻ phạm tội vu khống phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 122 Bộ Luật hình sự (BLHS) năm 1999, nhưng sự tồn tại của thực trạng nêu trên là do một trong các nguyên nhân chủ yếu, các QPPL về tố cáo và GQTC (trong đó có các quy phạm của Bộ Luật TTHS năm 2003) vẫn còn những kẽ hở, các nhược điểm mà cho đến nay vẫn chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời để hoàn thiện.

* ĐT: 84-4-7547889.

E-mail: lecam@vnu.edu.vn

3) Và cuối cùng, *ba là*, trên bình diện lý luận, trong bất kỳ NNQP đích thực (chứ không phải là chỉ tuyên ngôn trên giấy) nào thì các quyền và tự do, danh dự và nhân phẩm của con người và của công dân là những giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung nên một mặt, việc bảo đảm quyền hiến định về tố cáo của công dân bao giờ cũng phải được bảo đảm đi kèm theo song song với mặt khác, đó là bảo vệ danh dự, nhân phẩm và quyền được bồi thường thiệt hại do bị hành vi tố cáo sai sự thật thậm chí là CTTP vu khống) gây ra. Mặc dù tính cấp thiết của vấn đề như vậy, nhưng hiện nay trong khoa học pháp lý (KHPL) nói chung và khoa học luật TTHS nói riêng ở Việt Nam rõ ràng là vẫn chưa có một công trình khoa học nào đề cập riêng đến việc nghiên cứu chuyên khảo những vấn đề đã nêu.

1.2. Chính vì thế, tất cả những điều đã được phân tích trên đây không chỉ cho phép khẳng định sự cần thiết của việc phân tích khoa học những vấn đề lý luận - thực tiễn về tố cáo và GQTC để đưa ra các kiến giải lập pháp (KGLP) cho việc tiếp tục hoàn thiện các QPPL (trong đó có các quy phạm pháp luật TTHS) về lĩnh vực đã nêu, mà còn là lý do luận chứng cho sự lựa chọn tên gọi bài viết này của chúng tôi. Tuy nhiên, do tính chất đa dạng, phức tạp và nhiều khía cạnh của những vấn đề về tố cáo và GQTC trong TTHS nên với phạm vi một bài nghiên cứu đăng trên Tạp chí Khoa học, chúng tôi chỉ có thể đề cập đến bày nhóm vấn đề mà theo quan điểm của chúng tôi là cơ bản và quan trọng hơn cả theo hệ thống như sau:

- 1) Khái niệm và các đặc điểm cơ bản của tố cáo trong luật TTHS.
- 2) Về người tố cáo trong luật TTHS.
- 3) Về người bị tố cáo trong luật TTHS.
- 4) Thẩm quyền và thời hạn GQTC trong luật TTHS.
- 5) Trách nhiệm của người GQTC trong luật TTHS.
- 6) Thực trạng tố cáo và GQTC trong luật TTHS.

7) Những kẽ hở của các QPPL (kể cả pháp luật TTHS) hiện hành về tố cáo, GQTC và mô hình lý luận (MHLL) của KGLP để hoàn thiện.

2. Nội dung vấn đề

2.1. Khái niệm và các đặc điểm cơ bản của tố cáo trong luật TTHS

Mặc dù về mặt pháp luật TTHS (thực định) khái niệm này không được điều chỉnh trong Bộ Luật TTHS năm 2003 nhưng định nghĩa pháp lý (ĐNPL) của khái niệm tố cáo (nói chung) đã được nhà làm luật Việt Nam chính thức ghi nhận về mặt lập pháp trong Luật "Về khiếu nại, tố cáo" năm 2005 (ban hành năm 1998, sửa đổi, bổ sung các năm 2004 và 2005) của nước ta. Chính vì vậy, xuất phát từ ĐNPL của khái niệm tố cáo (nói chung) theo Luật "Về khiếu nại, tố cáo" hiện hành (khoản 2 Điều 2) và trên cơ sở các quy định về người tố cáo trong Bộ Luật TTHS năm 2003 (Điều 325) chúng ta có thể đưa ra định nghĩa khoa học (ĐNKH) của khái niệm đang nghiên cứu như sau: *Tố cáo trong luật TTHS là việc cá nhân theo trình tự và thủ tục do pháp luật TTHS quy định báo cho cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ người tiến hành tố tụng nào trong các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử hoặc/và thi hành án hình sự (THAHS) đã gây nên (hoặc đe dọa gây nên) thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức, cũng như lợi ích của Nhà nước.* Như vậy, từ ĐNKH của khái niệm này cho thấy, việc tố cáo trong luật TTHS Việt Nam có bốn đặc điểm cơ bản sau đây:

1) Hai loại chủ thể liên quan đến tố cáo trong TTHS bao gồm: a) Một loại chủ thể từ phía tố cáo, công dân; b) Một loại chủ thể từ phía bị tố cáo, bất kỳ người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nào vi phạm pháp luật.

2) Một đối tượng có thể bị tố cáo trong bất cứ giai đoạn TTHS nào, hành vi vi phạm pháp luật (VPPL) của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

3) Căn cứ giải quyết tố cáo trong TTHS phải là căn cứ pháp lí, phải được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục và thời hạn do pháp luật quy định (bao gồm các quy phạm có liên quan trong Hiến pháp năm 1992, Luật “Về khiếu nại, tố cáo” năm 1998 và Bộ Luật TTHS năm 2003).

4) Và cuối cùng, căn cứ phát sinh tố cáo trong TTHS phải là căn cứ thực tế, khi phía tố cáo cho rằng hành vi vi phạm pháp luật trong các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử hoặc/và THAHS gây nên (hoặc đe dọa gây nên) thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức, cũng như lợi ích của Nhà nước.

2.2. Về người tố cáo trong luật TTHS

1) *Khái niệm người tố cáo trong luật TTHS.* Theo quy định của Bộ Luật TTHS năm 2003 (Điều 334), khi hành vi của bất kỳ người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là vi phạm pháp luật (VPPL) gây nên (hoặc đe dọa gây nên) thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, cũng như cho quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức, thì bất cứ cá nhân nào đều có quyền tố cáo với cơ quan, cá nhân có thẩm quyền tiến hành tố tụng về hành vi VPPL đó. Như vậy, mặc dù trong pháp luật TTHS thực định nhà làm luật Việt Nam không chính thức ghi nhận ĐNPL của khái niệm người tố cáo trong TTHS, nhưng từ quy định tại Điều 334 Bộ Luật TTHS năm 2003, chúng ta có thể đưa ra ĐNKH của khái niệm đang nghiên cứu như sau: *Người tố cáo trong luật TTHS là cá nhân đã thực hiện quyền hiến định về tố cáo với cơ quan, cá nhân có thẩm quyền tiến hành tố tụng về hành vi VPPL của bất kỳ cá nhân nào trong các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử hoặc/và THAHS mà cho là đã gây nên (hoặc đe dọa gây nên) thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, cũng như cho quyền, lợi ích hợp pháp của họ, người khác, cơ quan hoặc/và tổ chức.*

2) Trên cơ sở nguyên tắc “Trách nhiệm của các tổ chức và công dân trong đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm” (Điều 25 Bộ

Luật TTHS năm 2003), căn cứ vào quy định tại Điều 334 Bộ Luật TTHS năm 2003, thì bất kỳ một công dân nào cũng có quyền tố cáo về hành vi VPPL của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, tức là hành vi của 11 chủ thể sau đây trong TTHS: a) Điều tra viên; b) Thủ trưởng cơ quan điều tra (CQĐT); c) Phó thủ trưởng CQĐT; d) Kiểm sát viên; đ) Viện trưởng viện kiểm sát (VKS); e) Phó Viện trưởng VKS; f) Chánh án Tòa án; g) Phó chánh án Tòa án; h) Hội thẩm; i) Thư ký phiên tòa và; k) Người có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra (theo Pháp lệnh điều tra hình sự năm 2004).

3) VPPL của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải được hiểu là vi phạm pháp luật TTHS, hành vi vi phạm có thể cấu thành hoặc chưa cấu thành tội phạm (CTTP) được quy định trong PLHS nhưng hành vi vi phạm này nhất thiết đã gây nên (hoặc đe dọa thực tế gây nên) thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, quyền và tự do của bản thân người tố cáo hoặc của bất kỳ công dân nào khác.

4) *Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo trong luật TTHS.* Việc tố cáo được nêu trong TTHS có thể thực hiện thông qua một trong hai hình thức là a) trực tiếp tố cáo bằng miệng hoặc b) gửi đơn tố cáo. Nếu đơn tố cáo gửi không đúng địa chỉ cơ quan, cá nhân có thẩm quyền GQTC thì cơ quan, cá nhân đã nhận đơn tố cáo có trách nhiệm chuyển đến cơ quan, cá nhân có thẩm quyền GQTC tương ứng. Việc phân tích các quy định tại Điều 335 Bộ Luật TTHS năm 2003 cho thấy, quyền và nghĩa vụ của người tố cáo bao gồm những nội dung chủ yếu như sau:

a) Được gửi đơn hoặc trực tiếp tố cáo với cơ quan, cá nhân có thẩm quyền. Trường hợp người tố cáo trực tiếp bằng miệng, thì cơ quan, cá nhân có thẩm quyền GQTC phải lập biên bản về nội dung tố cáo.

b) Được yêu cầu giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích của mình (việc Bộ Luật TTHS

quy định giữ bí mật tên, tuổi, địa chỉ, bút tích và các thông tin về người tố cáo là nhằm tránh sự trù dập, trả thù có thể xảy ra có từ phía người bị tố cáo đối với người tố cáo).

c) Được yêu cầu thông báo kết quả GQTC; được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ khi bị đe dọa, trù dập, trả thù.

d) Phải trình bày trung thực về nội dung tố cáo, tức là người tố cáo phải giải trình đầy đủ nội dung của sự việc tố cáo mà bản thân mình trực tiếp chứng kiến hoặc biết được qua các nguồn thông tin khác nhau; cung cấp cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền GQTC tài liệu, chứng cứ xác thực (nếu có) để chứng minh hành vi vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

đ) Phải nêu rõ danh tính (họ tên, tuổi, địa chỉ) của mình, tức là người tố cáo phải có trách nhiệm cung cấp rõ ràng và chính xác các thông tin về danh tính như: (tên, tuổi, địa chỉ), cũng như những thông tin cần thiết khác về cá nhân mình theo yêu cầu của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền GQTC. Việc quy định như vậy là để tránh tình trạng tố cáo nặc danh (giấu tên), lợi dụng quyền tố cáo để bịa đặt, vu khống, bôi nhọ uy tín, danh dự và xúc phạm nhân phẩm của các cán bộ đang làm công tác đấu tranh chống tội phạm trong các cơ quan bảo vệ pháp luật (BVPL) và Tòa án.

e) Phải bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi tố cáo sai sự thật của mình gây ra và nếu hành vi tố cáo sai sự thật đã có đầy đủ các dấu hiệu của CTTP vu khống theo Điều 122 BLHS năm 1999, thì phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS); trình tự và thủ tục phục hồi danh dự và bồi thường thiệt hại (về vật chất, thể chất hoặc tinh thần) do việc tố cáo không đúng sự thật của người tố cáo gây ra cho người bị tố cáo do pháp luật quy định.

f) Phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tố cáo sai sự thật (từ đây để cho ngắn gọn, bốn từ "tố cáo sai sự thật" sẽ được thay bằng hai từ "vu cáo"). Có nghĩa là, nếu sau khi đã được kiểm tra, xác minh mà cho thấy:

nội dung tố cáo là không có căn cứ, thì tùy thuộc vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của các nội dung tố cáo mà người vu cáo phải bị xử lý bằng một trong các hình thức trách nhiệm khác nhau theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật "Về khiếu nại, tố cáo" năm 2005 hiện hành.

2.3. Người bị tố cáo trong luật TTHS

1) *Khái niệm người bị tố cáo trong luật TTHS.* Cũng như khái niệm người tố cáo, mặc dù trong pháp luật TTHS thực định nhà làm luật không ghi nhận ĐNPL của khái niệm người bị tố cáo trong TTHS, nhưng từ quy định tại Điều 336 Bộ Luật TTHS năm 2003, chúng ta có thể đưa ra ĐNKH của khái niệm khoa học người bị cáo trong TTHS như sau: *Người bị tố cáo trong luật TTHS là bất kỳ người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện hành vi trong các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử hoặc (và) THAHS mà hành vi đó bị người tố cáo cho là đã vi phạm pháp luật, gây nên (hoặc đe dọa gây nên) thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, cũng như cho quyền, lợi ích hợp pháp của họ, người khác, cơ quan hoặc (và) tổ chức.*

2) *Quyền và nghĩa vụ của người bị tố cáo trong luật TTHS.* Việc phân tích các quy định tại Điều 336 Bộ Luật TTHS cho thấy, quyền và nghĩa vụ của người bị tố cáo bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Được thông báo về nội dung tố cáo, nếu người bị tố cáo vì đã có hành vi vi phạm pháp luật trong TTHS thì được cơ quan, cá nhân có thẩm quyền GQTC thông báo bằng văn bản về nội dung mà mình bị tố cáo và trước thời điểm có quyết định giải quyết tố cáo cuối cùng, họ vẫn chưa thể bị coi là người vi phạm pháp luật (mặc dù sự tố cáo đó là của một cá nhân hay tập thể).

b) Được đưa ra bằng chứng để chứng minh nội dung tố cáo là không đúng sự thật, sau khi nhận được thông báo về nội dung tố cáo, người bị tố cáo có quyền đưa ra bằng chứng để chứng minh nội dung tố cáo là không đúng sự thật từng phần hoặc hoàn

toàn; các bằng chứng để chứng minh của người bị tố cáo có thể được đưa ra dưới các hình thức khác nhau (như trực tiếp trình bày bằng miệng hoặc gửi đơn, thư cho cơ quan, cá nhân có thẩm quyền GQTC); trong trường hợp nếu người bị tố cáo trình bày bằng miệng về các tài liệu, chứng cứ chứng minh nội dung tố cáo là không đúng sự thật (từng phần hoặc hoàn toàn), thì cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo phải lập biên bản về nội dung trình bày, thời gian, địa điểm trình bày và có chữ ký xác nhận của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền GQTC và của bản thân người bị tố cáo.

c) Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, phục hồi danh dự, bồi thường thiệt hại do việc tố cáo không đúng gây ra, có nghĩa là khi quyền và tự do của người bị tố cáo bị xâm phạm bởi nội dung tố cáo không đúng sự thật, thì người bị tố cáo phải được phục hồi danh dự, bồi thường thiệt hại theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

d) Phải giải trình về hành vi bị tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan khi cơ quan, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu. Việc giải trình và cung cấp thông tin này là để cho cơ quan cá nhân, có thẩm quyền GQTC hiểu rõ hơn và xác định chính xác nội dung tố cáo nhằm xử lý một cách có căn cứ, công minh và đúng pháp luật người bị tố cáo.

đ) Phải chấp hành kết quả xử lý tố cáo của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền GQTC. Trong trường hợp kết quả xử lý tố cáo đã là của cấp cuối cùng rồi, thì người bị tố cáo phải chấp hành mà không được khiếu nại tiếp lên cấp cao hơn nữa.

e) Được yêu cầu cơ quan, cá nhân có thẩm quyền GQTC và cơ quan, cá nhân này phải xử lý người tố cáo sai sự thật theo luật định (Điều 100 Luật "Về khiếu nại, tố cáo" năm 2005).

f) Cần lưu ý rằng, nếu cơ quan hoặc người có thẩm quyền GQTC vì các mục đích cá nhân, vụ lợi khác nhau nên đã dĩ hòa vi quý nhằm bảo đảm an toàn cho chức vụ, địa vị

công tác của riêng mình mà cố tình né tránh sự thật vì có các động cơ không trong sáng thể hiện qua những hành vi khuất tất để bao che cho người tố cáo sai sự thật (ví dụ: mặc dù việc tố cáo đã có đầy đủ các dấu hiệu của CTTP vụ khống theo PLHS nhưng cá nhân có thẩm quyền GQTC vẫn cố tình viện ra mọi lý do để không xử lý người tố cáo bằng bất kỳ biện pháp nào, kể cả biện pháp cả nhẹ nhất là kỷ luật), thì lẽ dĩ nhiên trong trường hợp này thì người bị tố cáo vẫn hoàn toàn có thể thực hiện quyền tự bảo vệ uy tín, danh dự của mình bằng con đường tố tụng tư pháp hình sự theo luật định.

2.4. Thẩm quyền và thời hạn giải quyết tố cáo trong luật TTHS

1) *Thẩm quyền chung về GQTC.* Đối với tố cáo về hành vi VPPL của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng dưới quyền trong cùng một cơ quan tiến hành tố tụng, thì Thủ trưởng cơ quan tiến hành tố tụng tương ứng là người có thẩm quyền giải quyết, mà cụ thể là: a) Thủ trưởng CQĐT có trách nhiệm giải quyết các tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật của Điều tra viên, Phó Thủ trưởng CQĐT của mình (cùng cấp); b) Viện trưởng VKS có trách nhiệm GQTC về hành vi vi phạm pháp luật của Kiểm sát viên và Phó Viện trưởng VKS của mình (cùng cấp) và; c) Chánh án Tòa án có trách nhiệm GQTC về hành vi VPPL của Phó Chánh án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án của mình (cùng cấp).

2) Mặc dù pháp luật TTHS hiện hành (Điều 337 Bộ Luật TTHS năm 2003) không quy định người có chức vụ nào thuộc CQĐT, VKS và Tòa án cấp trên trực tiếp là người có thẩm quyền GQTC về hành vi VPPL của Thủ trưởng CQĐT, Viện trưởng VKS và Chánh án Tòa án cấp dưới nhưng theo nguyên tắc quản lý Nhà nước, hành chính trong các cơ quan tiến hành tố tụng ở Việt Nam, thì việc GQTC đối với hành vi VPPL của

các đối tượng đã nêu là thẩm quyền của: 1) Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQĐT cấp trên trực tiếp; 2) Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKS cấp trên trực tiếp và; 3) Chánh án, Phó Chánh án Tòa án cấp trên trực tiếp.

3) Trong trường hợp có tố cáo đối với hành vi VPPL của những người có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc lực lượng công an nhân dân (CAND) bao gồm: Cảnh sát và An ninh, đơn vị quân đội độc lập thuộc cấp Trung đoàn, Lữ đoàn, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, Cảnh sát biển thì Viện trưởng VKS, Phó Viện trưởng VKS có thẩm quyền truy tố xem xét giải quyết.

4) Pháp luật TTHS hiện hành (đoạn 2 khoản 1 Điều 337 Bộ Luật TTHS năm 2003) đã quy định cụ thể các thời hạn GQTC, nhưng lại không quy định cụ thể người tố cáo có quyền khiếu nại về kết quả giải quyết tố cáo trong trường hợp không đồng ý với kết quả đó. Như vậy, trong trường hợp này có thể hiểu là: việc GQTC trong TTHS chỉ được tiến hành một lần và kết quả GQTC của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là kết quả cuối cùng, cả người tố cáo và người bị tố cáo đều phải có nghĩa vụ chấp hành.

5) Thực tiễn đấu tranh chống tội phạm cho thấy, việc GQTC về hành vi có các dấu hiệu CTTP được thực hiện theo trình tự, thủ tục như sau:

a) Nếu cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội tiếp nhận tố cáo đã nêu, thì phải có trách nhiệm chuyển tới CQĐT có thẩm quyền để xác minh sự kiện phạm tội và quyết định khởi tố (hay không khởi tố) vụ án hình sự, quyết định khởi tố (hay không khởi tố) bị can.

b) Nếu VKS nhận được tố cáo đã nêu và sau khi xác minh hành vi VPPL có đầy đủ các dấu hiệu CTTP, thì có trách nhiệm chuyển tố cáo đã nêu và kiến nghị khởi tố của cơ quan, tổ chức kèm theo các tài liệu có liên quan (mà VKS đã nhận được) cho CQĐT có thẩm quyền để tiến hành điều tra.

c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được tố cáo đã nêu hoặc kiến nghị khởi

tố vụ án hình sự của VKS, thì CQĐT có thẩm quyền tiến hành việc kiểm tra, xác minh nội dung tố cáo và quyết định khởi tố (hoặc không khởi tố) vụ án hình sự. Trong trường hợp khi tố cáo về hành vi phạm tội hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp cần phải được kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm khác nhau (trong phạm vi cùng một tỉnh hoặc thành phố) hoặc nhiều địa phương khác nhau trên phạm vi cả nước), thì thời hạn giải quyết tố cáo có thể dài hơn nhưng không được quá hai tháng.

6) Kết quả GQTC tố cáo của CQĐT có thẩm quyền GQTC về hành vi phạm tội hoặc kiến nghị khởi tố của cơ quan Nhà nước phải được gửi cho VKS cùng cấp và phải được thông báo cho cơ quan, tổ chức đã có kiến nghị khởi tố hoặc người tố cáo tội phạm biết; VKS cùng cấp có trách nhiệm kiểm sát việc GQTC về những hành vi phạm tội trong CQĐT tương ứng có thẩm quyền.

7) GQTC liên quan đến hành vi bắt người, tạm giữ hoặc tạm giam. Theo quy định của pháp luật TTHS hiện hành (khoản 3 Điều 337 Bộ Luật TTHS năm 2003) thì vấn đề này có một số đặc điểm như sau:

a) Việc GQTC liên quan đến hành vi bắt người, tạm giữ hoặc tạm giam được tiến hành ngay, tức là chỉ giải quyết một lần và kết quả GQTC này được coi là kết quả cuối cùng.

b) Mặc dù luật không quy định cụ thể người có chức vụ nào thuộc VKS là người có thẩm quyền GQTC liên quan đến hành vi bắt người, tạm giữ hoặc tạm giam, nhưng trong thực tiễn TTHS vấn đề này chỉ được tiến hành theo lệnh hoặc quyết định của CQĐT với sự phê chuẩn của VKS cùng cấp hoặc trên cơ sở quyết định của Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng VKS.

c) Như vậy, việc tố cáo liên quan đến hành vi bắt người, tạm giữ hoặc tạm giam nếu xét về bản chất pháp lý, thì đó chính là sự khiếu nại quyết định của CQĐT hoặc của

VKS nên nó cần phải được giải quyết theo thủ tục khiếu nại trên cơ sở các quy định chung của pháp luật về khiếu nại, tố cáo hiện hành, vì trong trường hợp này nếu lại giao cho chính những người đã ra quyết định hoặc đã phê chuẩn quyết định, thì e rằng khó đảm bảo được tính khách quan của vấn đề.

d) Do đó, ở đây nên chăng, việc giải quyết khiếu nại và tố cáo này cần phải do Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng VKS cấp trên trực tiếp giải quyết (?).

đ) Hơn nữa, khi hồ sơ vụ án đã được chuyển sang Tòa án để chuẩn bị xét xử (mà bị cáo vẫn còn bị tạm giam), thì việc tố cáo liên quan đến việc áp dụng biện pháp này nên chăng cần thuộc thẩm quyền của Chánh án, Phó Chánh án Tòa án đang thụ lý vụ án (chứ không thể giao cho VKS cùng cấp hay thậm chí VKS cấp trên trực tiếp giải quyết) vì cách quy định như vậy theo quan điểm của PGS. TS. Luật sư Phạm Hồng Hải, mà chúng tôi hoàn toàn đồng nhất: *"là vô lý, mâu thuẫn với các quy định về thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm giam trong Chương các biện pháp ngăn chặn"* [5].

2.5. Trách nhiệm của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo trong luật TTHS

1) Theo quy định của pháp luật TTHS hiện hành (đoạn 1 Điều 338 Bộ Luật TTHS năm 2003) một loạt các biện pháp liên quan đến trách nhiệm người có thẩm quyền GQTC đã được ghi nhận; thực tiễn các hoạt động TTHS cho thấy, việc ghi nhận các biện pháp trách nhiệm đó là nhằm các mục đích sau:

a) Đảm bảo cho việc GQTC trong TTHS được nghiêm minh, tuân thủ đúng pháp luật, bảo vệ các quyền và tự do của cả người tố cáo lẫn người bị tố cáo.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành hoạt động TTHS được thuận lợi, góp phần phục vụ cho cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm đạt hiệu quả cao.

2) Để đạt được các mục đích nêu trên, nhà làm luật đã ghi nhận năm nhóm biện pháp liên quan đến trách nhiệm của người có

thẩm quyền tiến hành tố tụng, cụ thể như sau: a) Tiếp nhận, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật tố cáo và thông báo bằng văn bản kết quả giải quyết cho người tố cáo biết; b) Xử lý nghiêm minh người vi phạm; c) Áp dụng biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra; d) Bảo đảm kết quả giải quyết tố cáo được thi hành nghiêm chỉnh và; đ) Phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giải quyết của mình.

3) Song song với các biện pháp liên quan đến trách nhiệm nêu trên pháp luật TTHS hiện hành (đoạn 2 Điều 338 Bộ Luật TTHS năm 2003) cũng có đề cập đến các chế tài xử lý trong trường hợp người có thẩm quyền GQTC mà không giải quyết, thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết hoặc giải quyết trái pháp luật, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu TNHS; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể nào đưa ra những giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo về việc áp dụng pháp luật trong trường hợp này. Vì vậy, chúng tôi cho rằng, nên chăng cần phải ghi nhận trong luật thực định về trường hợp này hoặc là Tòa án Nhân dân tối cao (TANDTC) cần phối hợp cùng với các cơ quan bảo vệ pháp luật ở Trung ương như: Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao (KSNDTC), Bộ Tư pháp và Bộ công an) để khẩn trương ban hành Thông tư liên ngành tương ứng về vấn đề này.

2.6. Thực trạng tố cáo và giải quyết tố cáo trong luật TTHS

1) Những trường hợp tố cáo và GQTC điển hình thường xảy ra. Việc phân tích các thông tin trên báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng có liên quan, cũng như việc nghiên cứu thực tiễn áp dụng các QPPL (kể cả các quy phạm của Bộ Luật TTHS năm 2003) về tố cáo và GQTC trong nhiều năm tại một số cơ quan của bộ máy công quyền Nhà nước và đơn vị sự nghiệp có thu ở các lĩnh vực, Bộ, ngành Việt

Nam cho thấy, thông thường có ba trường hợp điển hình xảy ra như sau:

a) Trường hợp thứ *nhất*, nếu nội dung tố cáo là không có căn cứ nhưng không có tính chất, không nguy hiểm và mức độ nghiêm trọng không đáng kể (như chi nhằm làm giảm uy tín của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc vì mục đích vụ lợi, cá nhân khác nhưng không ác ý, bôi nhọ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm cá nhân người tiến hành tố tụng), thì người vu cáo phải bị xử lý kỷ luật ở mức ít nhất là "khiển trách" hoặc "cảnh cáo" theo các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức (nếu là người thuộc diện này). Ngoài ra, trong trường hợp này nếu người bị vu cáo vẫn không đồng tình với biện pháp xử lý kỷ luật đã được áp dụng của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền GQTC, thì còn được thực hiện quyền tự bảo vệ uy tín, danh dự của mình bằng con đường tố tụng tư pháp phi hình sự, tức là đưa vụ việc ra Tòa án để giải quyết theo thủ tục bồi thường thiệt hại cho uy tín, danh dự của công dân đã bị xúc phạm (mức bồi thường thiệt hại này thường là hàng chục triệu đồng).

b) Trường hợp thứ *hai*, nếu nội dung tố cáo cũng là không có căn cứ, có tính chất nguy hiểm và mức độ nghiêm trọng trung bình như: nhằm ác ý vu khống, xúc phạm danh dự, nhân phẩm cá nhân (nhưng đến mức nghiêm trọng) và làm giảm uy tín (nhưng đến mức đáng kể) của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc vì mục đích vụ lợi, cá nhân khác và mặc dù có tính chất liên tục, kéo dài (nhưng vẫn chưa đến mức có đầy đủ các dấu hiệu của CTTP vụ khống theo PLHS), thì người vu cáo phải bị xử lý kỷ luật với hình thức ít nhất là "cách chức" hoặc "buộc thôi việc" theo các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức (nếu là người thuộc diện này). Ngoài ra, trong trường hợp này (cũng như trong trường hợp thứ *nhất* nêu trên) nếu người bị vu cáo vẫn không đồng tình với

biện pháp xử lý kỷ luật đã được áp dụng của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền GQTC thì còn được thực hiện quyền tự bảo vệ uy tín, danh dự của mình bằng con đường tố tụng tư pháp phi hình sự - tức là đưa vụ việc ra Tòa án để giải quyết theo thủ tục bồi thường thiệt hại cho uy tín, danh dự của công dân đã bị xúc phạm nghiêm trọng (mức bồi thường thiệt hại này thường là hàng trăm triệu đồng).

c) Và cuối cùng, trường hợp thứ *ba*, nếu nội dung tố cáo là không có căn cứ, có tính chất nguy hiểm lớn và mức độ nghiêm trọng đáng kể như: (nhằm ác ý vu khống, xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm cá nhân và làm giảm uy tín đáng kể của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc vì mục đích vụ lợi, cá nhân khác có tính chất hệ thống tái phạm, kéo dài, liên tục, tức là khi mà bản chất bệnh hoạn chuyên "đi kiện" đã ngấm trong máu người vu cáo, trở thành thâm căn cố đế đến mức khó mà có thể sửa đổi được nữa) và đồng thời, sự vu cáo đã đến mức có đầy đủ các dấu hiệu của CTTP vụ khống theo PLHS, thì người vu cáo phải bị truy cứu TNHS về tội vu khống theo quy định tại Điều 122 BLHS năm 1999.

2) *Những hành vi thường được người cố tình tố cáo sai sự thật thực hiện.* Việc phân tích các thông tin trên báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng (nhất là qua vụ án xét xử hai luật sư là Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân tại TAND thành phố Hà Nội vào trung tuần tháng 5/2007) [6] và đặc biệt là việc nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật (nói chung) và pháp luật TTHS (nói riêng) về tố cáo và GQTC trong nhiều năm qua tại một số cơ quan của bộ máy công quyền Nhà nước và một số đơn vị sự nghiệp có thu ở các lĩnh vực, Bộ, ngành ở nước ta cho thấy, những hành vi vu cáo xấu xa và đê tiện, bi ối và hèn hạ (thậm chí trong nhiều trường hợp đã đến mức CTTP vụ khống theo PLHS) mà một số người tố cáo sai sự thật thường thực hiện (thậm chí có tính

chất hệ thống tái phạm, liên tục, kéo dài và lặp đi lặp lại trong nhiều năm) là:

a) Lợi dụng quyền tự do dân chủ, quyền khiếu nại, tố cáo để xúc phạm nghiêm trọng danh dự và nhân phẩm của công dân, gây rối làm mất trật tự an toàn xã hội, cố tình vi phạm kỷ cương hành chính để vụ lợi hoặc nói xấu, chửi bới chế độ ở mọi diễn đàn, hội thảo, nơi công cộng, giảng đường, v.v...

b) Bằng các thủ đoạn xảo quyệt khác nhau cố tình tạo nên các tài liệu, vật chứng giả (thậm chí có vụ việc đến hàng trăm, hàng nghìn trang tài liệu) để bức hại nạn nhân, người bị vu cáo.

c) Vì đã trót nhận tài trợ của ngoại bang nên cứ mỗi lần ở nước ngoài về là phải thực hiện âm mưu, chỉ thị và nhiệm vụ của "ông chủ" ngoài biên giới đã giao bằng các hoạt động phá hoại ngầm như: "xúi nguyên giặc bị", kích động, gây rối nội bộ cơ quan (đơn vị) hoặc địa phương, dựng đứng lên các sự việc, tuyên truyền, đưa tin thất thiệt dưới dạng các đơn thư nặc danh đến chính danh, tung lên mạng internet, ... nhằm phân hóa, chia rẽ, gây mất đoàn kết trong lãnh đạo, gây hoang loạn về chính trị, tư tưởng trong quần chúng ở cơ quan, đơn vị, địa phương nơi xảy ra vụ việc, v.v...

d) Cứ mỗi lần chuẩn bị có các đợt bầu cử, ứng cử, bổ nhiệm, đề bạt vào các chức vụ Đảng, chính quyền, phong tặng các danh hiệu cao quý hay học hàm, học vị, v.v... thì lại lợi dụng môi quan hệ quen biết (hoặc dùng tiền của mua chuộc) một số kẻ bất lương trong báo giới hoặc các phương tiện thông tin đại chúng để cố tình bôi nhọ thanh danh, uy tín, bịa đặt, nói xấu người bị vu cáo về mọi mặt (ví dụ: về nhân thân, về phẩm chất đạo đức, tư cách, về hồ sơ nhân sự, về quá khứ, về quan hệ gia đình, về năng lực công tác quản lý, về trình độ chuyên môn hoặc về bằng cấp, học vị mà người đó đã đạt được bằng sự phấn đấu trung thực học tập nghiên cứu miệt mài trong nhiều năm, v.v...). Nhằm gây

ra sự hiểu lầm cho các cấp trên và đánh lừa dư luận của các đồng nghiệp bên ngoài về nhân thân người bị vu cáo và tình hình nội bộ trong cơ quan (đơn vị), địa phương nơi xảy ra vụ việc, v.v...

d) Dùng tiền bạc, của cải, vật chất hối lộ người có thẩm quyền GQTC nhằm giải quyết trái pháp luật theo ý muốn cá nhân của riêng họ hoặc mua chuộc một số đồng nghiệp cùng cơ quan (đơn vị) để họ ủng hộ cho sự vụ không "gấp lửa bỏ tay người" mà bọn chúng muốn gieo rắc cho nạn nhân, v.v...

3) Các động cơ thúc đẩy người tố cáo sai sự thật thực hiện những hành vi nêu trên. Việc tìm hiểu các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học mà ở các lĩnh vực khác nhau có liên quan đến lĩnh vực tư pháp hình sự như: (về tâm lý tội phạm, tâm lý học tư pháp, thần học tư pháp, xã hội học tội phạm, nhà tù học, luật hình sự, luật TTHS, tội phạm học, pháp y, v.v...) [7-15] đồng thời thực tiễn cũng đã chứng minh và quần chúng nhân dân cũng đã nhận thấy rất rõ rằng, những người tố cáo sai sự thật thường có nhân thân xấu, không bao giờ tự làm chủ được bản thân mình do rất dễ bị kích động nên những hành vi khách quan mà họ thường thực hiện nêu trên là vì các động cơ được liệt kê dưới đây đã thúc đẩy họ chuyên vu cáo người khác:

a) Vì bản chất "kiện" đã ngấm sâu trong máu họ và đã trở thành thâm căn cố đế đến mức bệnh hoạn rất khó mà có thể sửa đổi được nữa nên việc ăn rồi chuyên đi vu cáo người khác được họ xem là "sở thích", "niềm vui" của mình.

b) Vì họ có tính cách gia trưởng, hay xử sự theo kiểu bệnh hoạn rối loạn tâm thần đa nhân cách nên thường tưởng tượng theo kiểu "tự kỷ ám thị" mà biểu hiện cụ thể ở đây là: hay bắt bẻ chi tiết để buộc người khác phải (hoặc không được) làm một việc nào đó theo ý muốn cá nhân của họ từng li từng tí (nếu ai làm đúng theo ý họ sẽ được ca tụng lên tận

mây xanh, còn nếu làm trái ý họ là sẽ lập tức bị si nhục, lăng mạ đến tột tằm mặt mũi).

c) Vì họ thường có tham vọng lớn về quyền lực và rất háo danh hoặc chỉ có kinh nghiệm trong một lĩnh vực nào đó chứ không phải là toàn diện (vì "nhân vô thập toàn") nhưng lại bất mãn vì không được đề cử vào các chức vụ, địa vị công tác như mong muốn (do uy tín thấp cả về phẩm chất đạo đức và chuyên môn trong các đồng nghiệp cùng cơ quan, đơn vị) nên hay kiêu căng, hợm hĩnh và tự cho mình là "siêu sao", "tài ba trong tất cả các lĩnh vực" và "hơn tất cả những người khác", v.v...

d) Vì bất mãn nên họ rất thiếu ý thức xây dựng tập thể, lười biếng, hay trốn việc, không chịu tham gia vào các công việc chung của cơ quan, đơn vị, địa phương mình hoặc không chịu dành thời gian để học tập nghiên cứu (nên hậu quả là kém xa cả một số đồng nghiệp trẻ tuổi về nhiều mặt), chỉ thích dành thời gian chủ yếu cho việc chạy chọt kiếm tiền, triển khai các dự án, dịch vụ ngoài, v.v...

đ) Vì họ có tính đố kỵ, nhỏ nhen, hay soi mói, bới lông tìm vết để bắt lỗi người khác từng tí một (trong khi bản thân họ thì đầy những khuyết điểm), thiếu sự bao dung độ lượng với những sơ xuất nhỏ của các đồng nghiệp trẻ, v.v... nên hay ghen tị với sự may mắn, thành đạt mà "số phận" đem đến cho những người bị họ vu cáo, v.v...

4) Các mục đích cá nhân, vụ lợi hoặc không trong sáng khác nhau. Việc tìm hiểu các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học mà ở các lĩnh vực khác nhau có liên quan đến lĩnh vực tư pháp hình sự đã nêu như: về tâm lý tội phạm, tâm lý học tư pháp, xã hội học tội phạm, luật hình sự, luật TTHS, tội phạm học, v.v...) [7-15], đồng thời thực tiễn cũng đã chứng minh và quần chúng nhân dân cũng đã nhận thấy rất rõ ràng, một số người có thẩm quyền GQTC cố tình GQTC trái pháp luật hoặc bao che không xử lý người vu cáo (thậm chí có nhiều trường

hợp bất chấp cả công lý và sự thật mà phớt lờ tất cả các kiến nghị chính đáng của tập thể cơ quan, đơn vị nơi xảy ra vụ việc) là vì các mục đích cá nhân, vụ lợi hoặc không trong sáng khác nhau được liệt kê dưới đây:

a) Vì trình độ và kiến thức về pháp luật kém nên không hiểu hết tinh thần và lời văn của các văn bản pháp luật, muốn giữ an toàn cho chức vụ, địa vị cá nhân của mình hoặc do sức ép của cấp trên, v.v... nên cố tình né tránh sự thật khách quan, giải thích quanh co, lòng vòng để che giấu sự khuất tất về bản chất đích thực của vụ việc.

b) Vì đã trót nhận hối lộ (tiền bạc, của cải, vật chất) của người tố cáo.

c) Vì đã thường xuyên được người tố cáo mời đi chơi bời, ăn nhậu, rượu chè, bia bọt ở các nhà hàng, quán xá (và đã bị nhiều người quen trông thấy) hoặc đi nghỉ ngơi, du lịch ở các địa phương khác nhau trong nước hay ra nước ngoài (mặc dù chưa nhận tiền bạc, của cải, vật chất) nên cũng "há miệng mắc quai".

d) Vì trước đây đã từng có những quan hệ cá nhân thân thiết trong nhiều việc nên đã gắn bó chặt chẽ lâu năm với người tố cáo hoặc là bạn bè làm ăn trong các lĩnh vực, dự án, dịch vụ, v.v... cùng thuộc cánh hiệu với người tố cáo.

đ) Thậm chí nguy hiểm hơn cả là vì đã trót đang tâm đồng phạm với người vu khống trong âm mưu bức hại người bị vu khống (do người vu khống vốn đã biết rõ nạn nhân là người có uy tín cá nhân tốt trong quần chúng hoặc uy tín chuyên môn cao trong các đồng nghiệp nên với đức tính hay đố kỵ, ghen ăn tức ở với sự thành đạt mà "số phận" đưa đến cho người bị vu khống) nhằm bôi nhọ uy tín, danh dự cá nhân của người bị tố cáo với hy vọng làm cho người bị vu khống nên không có điều kiện hoàn thành tốt được nhiệm vụ chuyên môn, công tác quản lý hoặc chức trách, công việc đã được phân công và rồi để đạt được mục đích cuối cùng, nạn nhân không chịu đựng nổi

sẽ phải suy sụp tinh thần, giảm sút ý chí và gục ngã, v.v...

2.7. Những kẽ hở của các QPPL hiện hành (kể cả pháp luật TTHS) về tố cáo. GQTC và mô hình lý luận (MHLL) của các kiến giải lập pháp để hoàn thiện

1) Từ việc nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn trên đây, đồng thời phân tích các QPPL Việt Nam hiện hành (kể cả pháp luật TTHS) về tố cáo, GQTC cho thấy một loạt những kẽ hở, các nhược điểm cơ bản dưới đây trong Luật "Về khiếu nại, tố cáo" năm 2005 và Chương XXXV "Khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự" của Bộ Luật TTHS năm 2003.

a) Luật "Về khiếu nại, tố cáo" năm 2005. Do được soạn thảo tư duy pháp lý của kiểu quan chức "phòng giấy" phi thực tiễn nên những kẽ hở, các nhược điểm lớn trong các QPPL về tố cáo và GQTC của văn bản Luật này là rất rõ rệt như sau:

- Toàn bộ văn bản Luật quan trọng như vậy mà các điều luật của nó không hề có tên gọi (lẽ đương nhiên để đạt được đầy đủ các tên gọi phản ánh được ý tưởng chính của từng điều luật là rất khó khăn vì nó đòi hỏi những người soạn thảo phải có tư duy pháp lý rõ ràng, mạch lạc, lôgic, kỹ thuật lập pháp giỏi và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao mới có thể tổng hợp và khái quát được ý tưởng chính tương ứng với nội dung trong từng điều luật).

- Văn bản Luật này chứa đựng đầy sự mâu thuẫn, hai mặt giữa nội dung và ý tưởng của các QPPL tại Điều 57, Điều 72 và Điều 100), mà cụ thể là: a) một mặt theo điểm "b" Điều 57 thì người tố cáo được quyền yêu cầu giữ bí mật danh tính (họ tên, địa chỉ và bút tích) của mình và theo Điều 72 cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận, GQTC phải thực hiện đúng yêu cầu này của người tố cáo nhưng; b) mặt khác, Điều 100 quy định hành vi "tố cáo sai sự thật" (khoản 3) là hành vi bị xử lý nhưng tìm đọc tất cả 103

điều trong Luật này thì lại không thấy quy định là: khi bị tố cáo sai sự thật thì danh tính có được công khai ra hay không và nếu là "có", thì từ thời điểm nào (?). Rõ ràng việc quy định như vậy là thiếu sự nhất quán về mặt lôgic pháp lý và không chặt chẽ về mặt kỹ thuật lập pháp, không bảo đảm tính chính xác về mặt khoa học và đây chính là kẽ hở "chết người" tạo điều kiện thuận lợi cho những kẻ chuyên sống bằng nghề "đi kiện" lợi dụng để dùng tiền của mua chuộc cá nhân có thẩm quyền GQTC đồng lõa với bọn chúng (không xử lý) tố cáo sai sự thật, dụng chuyện, vụ oan giáo họa, bịa đặt, "gắp lừa bỏ tay người", xúc phạm uy tín, danh dự người khác vì các động cơ vụ lợi, cá nhân hoặc không trong sáng khác.

- Chương IV "Tố cáo, giải quyết tố cáo" của Luật này có một kẽ hở rất lớn là thiếu hoàn toàn các quy phạm để cập hậu quả pháp lý của việc tố cáo sai sự thật trong từng trường hợp điển hình thường xuất hiện trong thực tiễn mà lẽ ra trong Chương này nhà làm luật cần phải điều chỉnh. Có nghĩa là, sau khi có kết quả, xác minh là nội dung tố cáo không có căn cứ (thậm chí là CTTP vu khống theo PLHS) thì hậu quả pháp lý sẽ ra sao (?), chẳng hạn: a) Người tố cáo sai sự thật (kể cả khi hành vi đã CTTP hình sự) phải bị các chế tài pháp lý cụ thể nào (?); b) Người bị vu cáo có quyền làm gì (?) và cuối cùng; c) Người GQTC phải có trách nhiệm làm gì (?). Vì nội dung của Điều 100 có quy phạm về việc "tố cáo sai sự thật" (khoản 3) với tư cách là hành vi bị xử lý được quy định cùng với những hành vi bị xử lý một cách chung chung khác và đặt trong Chương VIII "Khen thưởng và xử lý vi phạm" (gồm các Điều 95, Điều 100) không thể coi là hậu quả pháp lý của việc tố cáo sai sự thật được và rõ ràng làm như vậy là chưa đạt về mặt kỹ thuật lập pháp vì không bảo đảm tính chính xác về mặt khoa học.

b) Chương XXXV "Khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự" của Bộ Luật TTHS năm 2003.

Các quy phạm về tố cáo và GQTC trong Bộ Luật TTHS năm 2003 còn chưa đề cập đến trường hợp cụ thể thường xảy ra trong thực tiễn, nếu người tố cáo trong TTHS lợi dụng quyền tố cáo để vu khống người khác và sự vu khống đó đã đến mức có đầy đủ các dấu hiệu của CTPP theo Điều 122 BLHS năm 1999, thì: a) Hậu quả pháp lý sẽ thế nào (?) và b) Nếu người có trách nhiệm GQTC trong TTHS vẫn không xử lý (không khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với người vu khống theo quy định của pháp luật) thì hậu quả pháp lý sẽ như thế nào (?).

2) Để góp phần khắc phục những kẽ hở, các nhược điểm đã được nêu trên, theo quan điểm của chúng tôi MHLL của các kiến giải lập pháp (KGLP) để hoàn thiện các QPPL Việt Nam hiện hành (bao gồm cả pháp luật TTHS) về tố cáo và GQTC nên chăng sẽ theo hướng dưới đây:

a) Đối với Luật "Về khiếu nại, tố cáo" năm 2005 cần phải đặt tên gọi cho tất cả các điều trong văn bản Luật này và bổ sung thêm một điều vào Chương IV "Tố cáo, giải quyết tố cáo" với các quy phạm có nội dung như sau:

"Điều... Hậu quả pháp lý của việc tố cáo sai sự thật.

1. Danh tính của người tố cáo sai sự thật phải được cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo công khai ngay sau khi đã có báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh hoặc kết luận về nội dung tố cáo. Nếu người tố cáo cố tình lợi dụng việc được giữ bí mật danh tính để vu khống người bị tố cáo hoặc cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo cố tình lợi dụng việc giữ bí mật danh tính để không thực hiện đúng quy định về bắt buộc phải công khai danh tính nêu tại khoản 1 Điều này nhằm bao che cho người tố cáo vu khống, thì cả hai đều phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội vu khống theo quy định tại Điều 122 Bộ Luật hình sự với tư cách là những người đồng phạm.

2. Nếu nội dung tố cáo được khẳng định là không có căn cứ nhưng tính chất nguy hiểm không lớn, mức độ nghiêm trọng không đáng kể và chưa có đầy đủ dấu hiệu của tội vu khống theo quy định tại Điều 122 Bộ Luật hình sự, thì người tố cáo sai sự thật phải bị xử lý kỷ luật theo các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức (nếu là người thuộc diện này) hoặc xử phạt hành chính (nếu không phải là cán bộ, công chức, viên chức). Ngoài ra, trong trường hợp này nếu người bị tố cáo vẫn không đồng tình với biện pháp xử lý kỷ luật đã được áp dụng đối với người tố cáo sai sự thật, thì có quyền tự bảo vệ uy tín, danh dự của mình bằng con đường tố tụng tư pháp phi hình sự, tức là đưa vụ việc ra Tòa án để giải quyết theo thủ tục bồi thường thiệt hại do uy tín, danh dự của mình đã bị xúc phạm.

3. Nếu nội dung tố cáo được khẳng định là không có căn cứ, có tính chất nguy hiểm và mức độ nghiêm trọng đáng kể nhưng chưa có đầy đủ dấu hiệu của tội vu khống theo quy định tại Điều 122 Bộ Luật hình sự, thì người tố cáo sai sự thật phải bị xử lý kỷ luật theo các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức (nếu là người thuộc diện này) hoặc xử phạt hành chính (nếu không phải là cán bộ, công chức, viên chức). Ngoài ra, trong trường hợp này nếu người bị tố cáo vẫn không đồng tình với biện pháp xử lý đã được áp dụng đối với người tố cáo sai sự thật, thì có quyền tự bảo vệ uy tín, danh dự của mình bằng con đường tố tụng tư pháp phi hình sự, tức là đưa vụ việc ra Tòa án để giải quyết theo thủ tục bồi thường thiệt hại do uy tín, danh dự của mình đã bị xúc phạm nghiêm trọng.

4. Nếu nội dung tố cáo được khẳng định là không có căn cứ, có tính chất nguy hiểm lớn, mức độ nghiêm trọng đáng kể và có đầy đủ các dấu hiệu của tội vu khống theo quy định tại Điều 122 Bộ Luật hình sự, thì người tố cáo sai sự thật phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm đã được thực hiện".

b) Đối với Bộ Luật TTHS năm 2003 cần phải bổ sung thêm một điều luật mới (Điều

336^a “Hậu quả pháp lý của việc tố cáo sai sự thật”) ngay sau Điều 336 thuộc Chương XXXV “Khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự”, đồng thời giữ nguyên nội dung theo đúng như trong MHLL của các KGLP trên đây.

3. Kết luận

Việc nghiên cứu những vấn đề lý luận thực tiễn về tố cáo và GQTC để góp phần hoàn thiện các quy phạm pháp luật có liên quan trong bài viết này cho phép đi đến một số kết luận chung dưới đây.

3.1. Các quyền và tự do, danh dự và nhân phẩm của con người và của công dân là những giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung trong bất kỳ NNQP đích thực nào nên một mặt, việc bảo đảm quyền hiến định về tố cáo của công dân bao giờ cũng phải được bảo đảm đi kèm theo song song với mặt khác, đó là bảo vệ danh dự, nhân phẩm và quyền được bồi thường thiệt hại do bị hành vi tố cáo sai sự thật (thậm chí là cấu thành tội phạm vụ không) gây ra.

3.2. Để góp phần loại trừ thực trạng nêu trên, thì những kẽ hở, các nhược điểm của các QPPL về tố cáo và GQTC (trong đó có các quy phạm của Bộ Luật TTHS năm 2003) cần tiếp tục được sửa đổi, bổ sung kịp thời để không ngừng hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội của nước ta; vì theo truyền thống đạo đức của ông cha ta từ ngày xưa thì ngoài các đức tính như: “cần, kiệm, liêm, chính, công tâm, thành thực, khiêm tốn, mẫn cán, v.v...”, một trong những phẩm chất quan trọng và cốt yếu mà người làm quan cần phải có là: không được nhận quà biếu của “kẻ đi kiện hô lộ để được kiện” và không được “làm nghề bày mưu kiện cáo” [16].

3.3. Và chính vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực tiễn về tố cáo và GQTC để đưa ra các KGLP cho việc tiếp tục hoàn thiện các QPPL (trong đó có các quy phạm pháp luật TTHS) về lĩnh vực đã nêu chính là một trong những nhiệm vụ cơ bản và là hướng

nghiên cứu quan trọng của KHPL nói chung và khoa học luật TTHS nói riêng ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993.
- [2] Bộ Luật hình sự của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
- [3] Bộ Luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004.
- [4] Luật khiếu nại, tố cáo (Đã sửa đổi, bổ sung năm 2004 và năm 2005), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
- [5] Phạm Hồng Hải, Chương XXV, Khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự, Trong sách: *Bình luận khoa học Bộ Luật Tố tụng luận khoa học Bộ Luật Tố tụng hình sự* (Tập thể tác giả do PGS.TS. Võ Khánh Vinh chủ biên), NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2004.
- [6] *Các báo Pháp luật Việt Nam* (Bộ Tư pháp), Tiền phong, Công an Nhân dân, An ninh Thủ đô, Lao động, An ninh thế giới, các số ra trong các ngày từ 11-18/5/2007.
- [7] Hans Joachim Schneider, *Tội phạm học* (Dịch từ tiếng Đức), Nhóm xuất bản “Tiền bộ”, Maxcova, 1994.
- [8] Iu.M. Atônhiian, Chương IV, Nhân thân người phạm tội và các nguyên nhân của cách xử sự phạm tội, Trong sách: *Tội phạm học* (Tập thể tác giả do Viện sĩ V.N. Kudriavtsev và giáo sư V.E.Êminôv chủ biên), NXB “Luật gia”, Maxcova, 1995.
- [9] V.M. Xavitxki., *Nguyên tắc suy đoán vô tội và vai trò của nó trong việc bảo vệ danh dự, nhân phẩm công dân trong tư pháp hình sự*, NXB Bek. Maxcova, 1996.
- [10] O.V. Xitkôvxkaia., *Nhân thân người phạm tội vụ không và vấn đề trách nhiệm hình sự*, NXB Norma, Maxcova, 1997.
- [11] V.N. Kudriavtsev., *Cội nguồn của tội phạm, Kinh nghiệm của mô hình hóa về mặt tội phạm học*, NXB “Forum” và Nhóm xuất bản “Infra-M”, Maxcova, 1998.
- [12] O. V. Xitkôvxkaia., *Tâm lý học trách nhiệm hình sự* (đặc biệt là chương IV “Những vấn đề tâm lý của tình trạng có năng lực trách nhiệm hình sự và tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự”, NXB Norma, Maxcova, 1998.
- [13] V.G. Pavlov, *Chủ thể của tội phạm*, NXB Trung tâm Pháp lý Prex. Sant-Peteburg, 2001.

- [14] Oseph F. Sheley, *Tội phạm* (Dịch từ tiếng Anh), NXB Piter, Sant-Peteburg, 2003.
- [15] N. Dobunhine, I. Karpetx, V. Kudriavtxev., *Di truyền học thái độ xử sự và tội phạm*, (Lê Tuấn dịch từ tiếng Pháp), NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2004.
- [16] Nguyễn Xuân Yêm, Nguyễn Hoà Bình, Bùi Minh Thanh, *Phòng chống tham nhũng ở Việt Nam và thế giới* (Sách phục vụ công tác phòng ngừa đấu tranh chống tham nhũng), NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2007.

The Accusation and its settlement in Law on criminal procedure: The theoretical-practical issues and the legal perfection

Le Cam

*Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

The paper dealt with the theoretical matters of the accusation and its settlement in Law on Criminal Procedure, analyzed the real situation of applying it and law's leakage in this field. Moreover, basing on that, the author showed the theoretical models of legislative interpretations to perfect the correlative legal norms.